

**BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **4269**/LĐTBXH-KHLĐ

Hà Nội, ngày **12** tháng **11** năm 2014

V/v gửi Báo cáo Kết quả thực hiện Nghị
quyết 70/NQ-CP năm 2014

Kính gửi:

Thực hiện quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương thực hiện Nghị quyết 70/NQ-CP về chính sách xã hội, để tổng hợp Báo cáo kết quả năm 2014 Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, cơ quan Thường trực Ban chỉ đạo đề nghị Quý cơ quan báo cáo kết quả năm 2014 thực hiện Nghị quyết 70/NQ-CP theo chức năng nhiệm vụ được phân công tại Nghị quyết 70/NQ-CP (Đề cương báo cáo kèm theo)

Đề nghị Quý cơ quan gửi báo cáo bằng văn bản (đồng thời gửi bản điện tử vào email: nb_ngoc1965@yahoo.com) về Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội (qua Viện Khoa học Lao động và Xã hội), số 2 Đinh Lễ, Hà Nội trước ngày 30/11/2014 để tổng hợp, báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan./.

(Thông tin chi tiết xin liên hệ đồng chí Nguyễn Bích Ngọc, Viện Khoa học Lao động và Xã hội, Điện thoại: 0913309514 - 04.38242042).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các thành viên BCD;
- Lưu: VT, KHLĐ.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Trọng Đàm

DANH SÁCH BỘ, NGÀNH VÀ CƠ QUAN GỬI CÔNG VĂN

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Địa chỉ liên lạc
CÁC CƠ QUAN TRONG BỘ		
1	Văn phòng Bộ	Số 12- Ngô Quyền- Hoàn Kiếm- Hà Nội
2	Vụ Hợp tác quốc tế	Số 12- Ngô Quyền- Hoàn Kiếm- Hà Nội
3	Vụ Bình đẳng giới	Số 12- Ngô Quyền- Hoàn Kiếm- Hà Nội
4	Vụ Bảo hiểm Xã hội	Số 12- Ngô Quyền- Hoàn Kiếm- Hà Nội
5	Vụ Pháp chế	Số 12- Ngô Quyền- Hoàn Kiếm- Hà Nội
6	Tổng cục dạy nghề	Số 37 Nguyễn Bình Khiêm - Hà Nội
7	Cục Quản lý Lao động ngoài nước	41B Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
8	Cục Việc làm	Số 12- Ngô Quyền- Hoàn Kiếm- Hà Nội
9	Cục bảo trợ Xã hội	35, Trần Phú, Hà Nội
10	Cục Bảo vệ, chăm sóc trẻ em	35, Trần Phú - HN
11	Cục Người có công	Số 12- Ngô Quyền- Hoàn Kiếm- Hà Nội
12	Trung tâm thông tin	Số 12- Ngô Quyền- Hoàn Kiếm- Hà Nội
CÁC BỘ NGÀNH LIÊN QUAN		
13	Văn phòng chính phủ	1A Hoàng Hoa Thám
14	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Số 49 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng
15	Bộ Y tế	138 A, Giảng Võ, Ba Đình, HN
16	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 16 Thụy Khuê – Tây Hồ - Hà Nội
17	Bộ Xây dựng	37 Lê Đại Hành - Hai Bà Trưng - Hà Nội
18	Bộ Thông tin và Truyền thông	Số 18 Nguyễn Du - Hà Nội
19	Bộ Tài Chính	28 Trần Hưng Đạo - Hoàn Kiếm - HNSố
20	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Số 2 Hoàng Văn Thụ
21	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	7 Tràng Thi - Hoàn Kiếm
22	Ủy ban Dân tộc	80-82 Phan Đình Phùng - Ba Đình - HN
23	Ủy ban Trung ương MTTQ VN	46 Tràng Thi
24	Bộ Quốc Phòng	Số 7- Nguyễn Tri Phương- Ba Đình- HN
24	Ngân hàng Chính sách xã hội	Tòa nhà CC5- Bán đảo Linh Đàm- Hoàng Mai- HN

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

(Gửi kèm công văn số **169** BLĐTBXH ngày **12** tháng **11** năm 2014)



Phần thứ nhất:

Kết quả thực hiện Nghị quyết số 70/NQ-CP năm 2014

I. Chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

1. Về tình hình xây dựng văn bản pháp luật

- Tên, tiến độ thực hiện, thời gian trình, ban hành văn bản
- Kết quả xây dựng chính sách

2. Đánh giá kết quả thực hiện

Đánh giá mặt được, mặt chưa được trên cơ sở so sánh kết quả thực hiện trước khi có nghị quyết và mục tiêu nghị quyết, theo các nội dung sau:

2.1 Thực hiện trợ cấp ưu đãi cho người có công (số người hưởng trợ cấp, mức chuẩn trợ cấp, số người hưởng bảo hiểm y tế, người có công và thân nhân được hỗ trợ về giáo dục đào tạo, học nghề, người có công và thân nhân của họ được hỗ trợ về việc làm, nhà ở, sản xuất kinh doanh, tỷ lệ gia đình người có công có mức sống trung bình trở lên so với mức sống dân cư tại địa bàn nơi cư trú...)

2.2 Thực hiện Đề án hỗ trợ nhà ở cho người có công (số hộ người có công được hưởng trợ cấp nhà ở)

2.3 Thực hiện Đề án tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ (số liệt sĩ đã tìm kiếm, số hài cốt được quy tập)

2.4 Thực hiện Đề án xác định hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin (số hài cốt liệt sĩ được xác định danh tính)

2.5 Thực hiện phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” (số tiền hỗ trợ, số nhà hỗ trợ...)
(Các chỉ tiêu cụ thể theo phụ lục 1 đính kèm)

II. Chính sách an sinh xã hội

Đánh giá mặt được, mặt chưa được trên cơ sở so sánh kết quả thực hiện trước khi có nghị quyết và mục tiêu nghị quyết, theo các nội dung sau:

1. Việc làm, đảm bảo thu nhập tối thiểu và giảm nghèo

- 1.1 Việc làm
- 1.2 Giảm nghèo

2. Bảo hiểm xã hội

3. Về trợ giúp xã hội những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn

4. Bảo đảm mức tối thiểu về một số dịch vụ cơ bản cho người dân

4.1 Bảo đảm giáo dục tối thiểu

4.2. Bảo đảm y tế tối thiểu

4.3. Bảo đảm nhà ở tối thiểu

4.4. Bảo đảm nước sạch

4.5. Bảo đảm thông tin

Mỗi phần trên đánh giá như sau

a. Về tình hình xây dựng văn bản pháp luật trình Chính Phủ được giao trong nghị quyết 70/NQ-CP

- Tên, tiến độ thực hiện, thời gian trình Chính phủ văn bản
- Kết quả xây dựng chính sách

b. Đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách xã hội trong Nghị quyết 70/NQ-CP

(chỉ tiêu cụ thể của các phần theo phụ lục 1 đính kèm)

Phần thứ hai:

Phương hướng, nhiệm vụ về chính sách xã hội năm 2015

I. Nhiệm vụ chung

II. Nhiệm vụ cụ thể

1. Chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

2. Chính sách an sinh xã hội

1. Việc làm, đảm bảo thu nhập tối thiểu và giảm nghèo

1.1 Việc làm

1.2 Giảm nghèo

2. Bảo hiểm xã hội

3. Về trợ giúp xã hội những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn

4. Bảo đảm mức tối thiểu về một số dịch vụ cơ bản cho người dân

4.1 Bảo đảm giáo dục tối thiểu

4.2. Bảo đảm y tế tối thiểu

4.3. Bảo đảm nhà ở tối thiểu

4.4. Bảo đảm nước sạch

4.5. Bảo đảm thông tin

Mỗi phần nêu rõ sau:

- Tên đề án trình Chính Phủ trong năm 2015
- Mục tiêu, nhiệm vụ trong Nghị quyết 70/NQ-CP *(chỉ tiêu cụ thể của các phần theo phụ lục 1 đính kèm)*
- Giải pháp thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ

Phần thứ ba: Kiến nghị

1. Về các đề án trình Chính Phủ
2. Về thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ xã hội trong Nghị quyết 70/NQ-CP

PHỤ LỤC 1

KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ AN SINH XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2011- 2014
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN MỤC TIÊU NĂM 2015

Cơ quan thực hiện	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả thực hiện				KH 2014	Đánh giá kết quả 2014		KH 2015
			2011	2012	2013	Ước năm 2014		Đạt/ Không đạt		
Bộ LĐTBXH	1. Việc làm, thu nhập và giảm nghèo	Tỷ lệ thất nghiệp	%	2	2	1,9		2		
		Tỷ lệ thất nghiệp thành thị	%	3,4	3,1	2,93		3,1		
		Tỷ lệ việc làm khu vực chính thức	%	35,5	35,3	35,6*		35		
		Tỷ lệ việc làm trong nông nghiệp	%	48	47	47,12		48		
		Lao động được tạo việc làm mới mỗi năm	1000 người	1600	1520	1543		1600		
		Lao động nông nghiệp được hỗ trợ chuyển đổi việc làm	1000 người							
		Lao động di làm việc theo hợp đồng có thời hạn ở nước ngoài	1000 người	88	80	88		87		
		<i>Trong đó, lao động nghèo được hỗ trợ</i>	<i>1000 người</i>							
		Người nghèo được vay vốn tạo việc làm	1000 người	Không báo cáo	Không báo cáo	Không báo cáo		Không báo cáo		
		Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân mỗi năm	%	2,5	2,16	1,8		1,7-2		
Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân mỗi năm tại các huyện, xã có tỷ lệ nghèo cao	%	6	7,08	5,69		4				
Mức tăng thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo so với năm 2010	lần	1,6	1,6	1,6		1,6				
2. Bảo hiểm xã hội										
Bộ LĐTBXH, BHXH Việt Nam	Tỷ lệ lực lượng lao động tham gia BHXH	%	19,9	20,0	20,2		25			
	<i>Trong đó, BHXH bắt buộc</i>	%	19,7	19,7	19,9		24,4			
	<i>Trong đó, BHXH tự nguyện</i>	%	0,2	0,3	0,3		0,6			
	Số người lao động tham gia BHXH	1000 người	10200	10565	10826		13400			
	<i>Trong đó, BHXH bắt buộc</i>	<i>1000 người</i>	<i>10104</i>	<i>10431</i>	<i>10670</i>		<i>13078,4</i>			
<i>Trong đó, BHXH tự nguyện</i>	<i>1000 người</i>	<i>96</i>	<i>133</i>	<i>156</i>		<i>322</i>				

	Tỷ lệ lực lượng lao động tham gia BH thất nghiệp	%	15,6	16	16		18
	Số người tham gia BHXH thất nghiệp	1000 người	7931	8269	8538		8849
	3. Trợ giúp xã hội cho người có hoàn cảnh đặc biệt						
	3.1. Trợ giúp xã hội thường xuyên						
	Số người hưởng trợ giúp xã hội thường xuyên	1000 người	1674	2340	2584		3300
	<i>Trong đó, người cao tuổi không có thu nhập và trợ cấp xã hội</i>	1000 người	770	1523			1800
	<i>Trong đó, đối tượng bảo trợ xã hội khác</i>	1000 người	904	817			1500
	Trợ giúp xã hội đột xuất						
	Tỷ lệ người dân được hỗ trợ khi gặp rủi ro	%					
	4. Tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản						
	4.1. Bảo đảm giáo dục tối thiểu						
	Tỷ lệ trẻ 5 tuổi học mầm non	%	98,1	98,6	99,7		99,7
	Tỷ lệ trẻ 4 tuổi học mầm non	%	82,5	84,4	86,5		88
	Tỷ lệ đi học tiểu học đúng tuổi	%	97	97,4	97,7		98
	Tỷ lệ đi học trung học cơ sở đúng tuổi	%	83	85,5	88		90
	Tỷ lệ đạt trình độ phổ thông trung học	%	50	54	60		62
	Tỷ lệ trẻ khuyết tật đi học	%	54	56,1	58,4		60
	Tỷ lệ sinh viên trên 1 vạn dân	người	250	248	249		250
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	43	46	49		52
	Tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15 tuổi trở lên	%	97,1	98,25	98,5		98
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề	%	20	25	27		29
	BỘ LĐT BXH						
	4.2. Bảo đảm y tế tối thiểu						
	Tuổi thọ trung bình	tuổi	73	73	>73		>73
	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	64,9	66,8	71,2		74
	<i>Trong đó, nhà nước hỗ trợ toàn bộ</i>	%	42,6	42,9	45		49
	<i>Trong đó, nhà nước hỗ trợ một phần</i>	%	24,7	24,6	24,6		24,5
	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tiêm phòng uốn ván	%	96	96	96		97
	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được khám thai từ 3 lần trở lên	%	83,4	83,4	83,4		83,4
	Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	%	16,8	16,3	15,7		15
	BỘ Y TẾ						

	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	%	15,5	15,3	15,1		14,9			
	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi	%	23,3	22,0	22,1		21,1			
	Tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ	%	>90	>90	>89		>90			
	Mức giảm số người mắc bệnh lao	Tỷ lệ trên 100.000	225	215	205		195			
	4.3. Bảo đảm nhà ở tối thiểu									
	Hộ người có công được hỗ trợ nhà ở	1000 hộ			71		72			
	Hộ nghèo được hỗ trợ cải thiện nhà ở	1000 hộ			>500					
	Số nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp ở đô thị	Căn								
	Số nhà ở xã hội cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp	Căn								
	Số nhà ở xã hội cho học sinh, sinh viên	Căn								
Bộ Xây dựng	Diện tích xây dựng nhà xã hội cho người có thu nhập thấp ở đô thị	triệu m2	Không có số liệu	Không có số liệu	Không có số liệu		Không có số liệu			
	Tỷ lệ học sinh sinh viên được đáp ứng nhu cầu nhà ở	%	Không có số liệu	Không có số liệu	Không có số liệu		Không có số liệu			
	Tỷ lệ công nhân lao động tại các khu công nghiệp được đáp ứng nhu cầu nhà ở	%	Không có số liệu	Không có số liệu	Không có số liệu		Không có số liệu			
	Bảo đảm nước sạch									
	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	80	81	82,5		84			
Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của bộ y tế	%	42	45	38,7		43			
	Bảo đảm thông tin cho người nghèo, vùng nghèo									
	Tỷ lệ xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo phủ được phủ sóng phát thanh	%	99,1	99,2	99,8		99,9			
	Tỷ lệ xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo phủ được phủ sóng truyền hình	%	97,5	97,9	99,8		99			
	Tỷ lệ xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo có đài truyền thanh xã	%	72,3	74,3	87		89			

PHỤ LỤC 1

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ ƯU ĐÃI NGƯỜI CÓ CÔNG GIAI ĐOẠN 2011-2014

(Kèm theo công văn số /LĐTĐXH ngày tháng năm 2014)

Chi tiêu	Đơn vị	Kết quả thực hiện				KH 2014	Đánh giá kết quả 2014	KH 2015
		2011	2012	2013	Ước 6 tháng đầu năm 2014			
A	Về thực hiện chính sách trợ cấp							
1	Mức chuẩn trợ cấp hàng tháng	1000 đồng						
2	Hỗ trợ nhà ở cho người có công	Hộ						
3	Số lượng đối tượng hưởng chính sách							
3,1	Số người hưởng trợ cấp tiền mặt							
	Trong đó							
	Số lượng người hưởng trợ cấp một lần	1000 người						
	Số lượng người có công hưởng trợ cấp hàng tháng	1001 người						
3,2	Số người hưởng bảo hiểm Y tế	1000 người						
3,3	Người có công và thân nhân được hỗ trợ về giáo dục đào tạo, học nghề	1000 người						
4	Người có công và thân nhân của họ được hỗ trợ về việc làm, nhà ở, sản xuất kinh doanh	1000 người						
5	Người có công và thân nhân của họ được hỗ trợ về nhà ở	1000 người						
B	Đời sống người có công							
	Gia đình người có công có mức sống trung bình trở lên so với mức sống dân cư tại địa bàn nơi cư trú	%	95					
C	Tìm kiếm và xác định danh tính liệt sĩ							
	Tìm kiếm liệt sĩ	1000 người						
	Xác định danh tính liệt sĩ	1000 người						
D	Kinh phí thực hiện							
	Trong đó:							
	<i>Từ ngân sách</i>	1000 đồng						
	<i>Từ nguồn xã hội khác</i>	1000 đồng						

PHỤ LỤC 2
TÊN ĐỘ XÂY DỰNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT
PHÂN CÔNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 70/NQ-CP NĂM 2014 CỦA CHÍNH PHỦ
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 15-NQ/TW NGÀY 01 THÁNG 6 NĂM 2012
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA XI
MỘT SỐ VĂN ĐỀ VỀ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2012-2020
(tính đến 22/9/2014)

STT	Nhiệm vụ	Hình thức văn bản	Cơ quan chủ trì	Thời gian ban hành	Kết quả 6 tháng đầu năm 2014	Kết quả năm 2014
A	Lĩnh vực người có công					
B	Lĩnh vực an sinh xã hội					
1	Sửa đổi, bổ sung Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Luật	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2014- 2015	Đang nghiên cứu và dự kiến trình Chính phủ vào năm 2015	
2	Ban hành các văn bản hướng dẫn về Luật Việc làm	Nghị định	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2014	<p>Đã ban hành 2 nghị định: Nghị định số 03/2014/NĐ-CP ngày 16/1/2014 quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật lao động về việc làm; Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23/5/2014 quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.</p> <p>Đang xây dựng 2 nghị định: Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về hỗ trợ tạo việc làm; Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp</p>	

3	Thí điểm thực hiện Chương trình việc làm công	Đề án	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2014	Đã đưa vào Nghị Định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về hỗ trợ tạo việc làm	
4	Ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg hỗ trợ các huyện nghèo đầy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2020	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2014	Ngừng thực hiện	
5	Luật bảo hiểm xã hội sửa đổi	Luật	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2014	Đang hoàn thiện, dự kiến sẽ được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 8 vào tháng 10/2014.	
6	Xây dựng Đề án Đòi mới công tác trợ giúp xã hội	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2014	Đang thực hiện; Đã và xây dựng đề cương dự kiến trình CP tháng 11/2014	
7	Xây dựng đề án củng cố, nâng cấp hệ thống cơ sở bảo trợ xã hội	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2014	Đã gộp thành 1 Đề án Quy hoạch và phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội, dự kiến trình Chính phủ vào cuối năm 2014	
8	Xây dựng Đề án hoàn thiện mô hình chăm sóc đối tượng bảo trợ xã hội đưa vào cộng đồng	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2014	- Đã ban hành Quyết định số 32/2014/QĐ-TTg ngày 27/5/2014 về tiêu chí hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2014-2015 - Đang xây dựng chuẩn mức sống tối thiểu, chuẩn nghèo trình Chính phủ vào cuối năm 2014	
9	Xây dựng Đề án mức sống tối thiểu, mức sống trung bình, chuẩn nghèo để xác định đối tượng và chuẩn trợ giúp xã hội	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2014		
10	Sửa đổi, bổ sung Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em	Luật	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2015	Đã dự thảo lần 1, tổ chức lấy ý kiến và dự kiến trình Chính phủ vào tháng 4 năm 2015	

11	Đề án cơ sở dữ liệu quốc về an sinh xã hội	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2014	Đang hoàn thiện trên cơ sở ý kiến các Bộ, ngành dự kiến trình CP tháng 11/2014	
12	Xây dựng mã số an sinh xã hội và ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và cung cấp dịch vụ xã hội	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2014- 2015	Đã gộp vào Đề án cơ sở dữ liệu Quốc gia về an sinh xã hội	
13	Xây dựng Đề án phát triển bộ chỉ số an sinh xã hội	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2014	Đang xây dựng Đề án	
14	Xây dựng báo cáo quốc gia an sinh xã hội	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2014	Đang xây dựng Báo cáo Quốc gia năm 2014	
15	Sửa đổi mức và cơ chế hỗ trợ đối tượng trẻ em trong hộ nghèo, vùng dân tộc thiểu số thiểu số, miền núi đi học	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2014	- Đã ban hành: Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. -Thông tư liên tịch số 20/2014/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/5/2014 về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015 và Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP	

16	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo hiểm y tế	Luật	Bộ Y tế	2014	Đã ban hành Luật số 46/2014/QH13 của Quốc hội ngày 13/06/2014 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật bảo hiểm y tế	
17	Xây dựng văn bản pháp luật về quản lý nhà ở xã hội, chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo, nhà ở xã hội tại đô thị, hỗ trợ về nhà ở cho học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, hỗ trợ nhà ở cho công nhân tại khu công nghiệp có nhu cầu về nhà ở	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Xây dựng	2014	- Đã ban hành thông tư số 08/2014/TT-BXD hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 18/2013/NĐ-CP - Đang Xây dựng Luật nhà ở sửa đổi dự kiến trình Quốc hội thông qua vào cuối năm 2014 - Đang xây dựng Đề án, chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn giai đoạn 2011-2015 dự kiến trình vào cuối năm 2014	
18	Xây dựng Chương trình hỗ trợ hộ nghèo khu vực miền Trung về nhà ở, phòng tránh lũ, lụt	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Xây dựng	2014	- Đã Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 48/2014/QĐ-TTg ngày 28/8/2014 về chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão lụt khu vực	
19	Sửa đổi, bổ sung các chính sách về nước sạch và vệ sinh môi trường	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Nông nghiệp và PTNT	2014	Đã ban hành Quyết định số 18/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 03/03/2014 về sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg ngày 16/04/2004 về tin dụng thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	

ĐỀ XUẤT VĂN BẢN PHÁP LỤT NĂM 2015

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Đề xuất tên đề án	Hình thức văn bản	Thời gian ban hành	Ghi chú
A	Lĩnh vực người có công					
1	Trợ cấp ưu đãi người có công					
2	Nhà ở cho người có công					
3	Nhiệm vụ khác, cụ thể					
B	Lĩnh vực an sinh xã hội					
1	Việc làm, thu nhập, giảm nghèo					
2	Bảo hiểm xã hội					
3	Trợ giúp xã hội những người có hoàn cảnh khó khăn					
4	Bảo đảm mức tối thiểu về một số dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân					
4,1	Bảo đảm giáo dục tối thiểu					
4,2	Bảo đảm y tế tối thiểu					
4,3	Bảo đảm nhà ở tối thiểu					
4,4	Bảo đảm nước sạch					
4,5	Bảo đảm thông tin					